

## Đức Mẹ trọn đời đồng trinh, cuộc bút chiến của Thánh Giêrôm

Vũ Văn An5/31/2008

*Cuộc bút chiến của Thánh Giêrôm với Helviđiô về việc Đức Mẹ trọn đời đồng trinh vừa cho thấy tư tưởng thâm thúy của một trong những giáo phụ sáng chói của Giáo Hội vừa cho thấy văn phong bút chiến của một vị thánh, dù là thánh lớn và thuộc thời sơ khai của Giáo Hội, vẫn không kém sắc bén và thú vị như văn phong bút chiến của bất cứ ai khác.*

*Bài này xuất hiện khoảng năm 383, lúc cả thánh Giêrôm lẫn Helviđiô đều đang có mặt tại Rôma, và Đức Đamasô đang trị vì ngôi giáo hoàng (người ta chỉ còn biết được những gì Helviđiô viết là do Thánh Giêrôm thuật lại trong bài này). Vấn đề tranh luận lúc đó là liệu Thân Mẫu Chúa Giêsu có còn đồng trinh sau khi đã sinh hạ ra Ngài hay không. Helviđiô chủ trương rằng vì Phúc âm nhắc đến “các chị em” và “các anh em” của Chúa nên rõ ràng Đức Mẹ có những người con khác sau khi sinh ra Chúa Giêsu, ông dựa suy luận của mình vào các trước tác của Tertuliô và Victorinô. Hệ luận là đức đồng trinh phải được xếp sau hôn nhân.*

*Thánh Giêrôm mạnh mẽ đứng về phía đối lập và đưa ra ba mệnh đề chống lại Helviđiô:*

- 1. Thánh Giuse chỉ là chồng Đức Mẹ trên danh nghĩa chứ không phải chồng thật.*
- 2. “Anh em” của Chúa là anh em họ của Ngài, chứ không phải anh em ruột.*
- 3. Bậc đồng trinh tốt hơn bậc vợ chồng.*

*Mệnh đề đầu được bàn đến trong các số từ 3 đến 8, có ý nhận định về đoạn Phúc âm Matthêu 1:18-25, nhất là các từ “Trước khi hai ông bà về chung sống” (số 4) và “không ăn ở với bà cho đến khi” (số 5-8). Mệnh đề hai (9-17) đề cập đến các từ “con đầu lòng” (9-10), mà theo Thánh Giêrôm áp dụng cho người con cả của nhiều anh em, nhưng cũng áp dụng cho người con một nữa. Còn “các anh em” là ám chỉ các con của bà Maria, vợ của Cleopas hay Clopas (11-16). Ngài dùng nhiều trước tác của các giáo phụ khác để bênh vực quan điểm của mình (17). Trong khi bênh vực việc Ngài coi trọng đức đồng trinh hơn bậc vợ chồng, Thánh Giêrôm cho rằng không những Đức Mẹ, mà thánh Giuse cũng giữ mình đồng trinh (19), và mặc dù hôn nhân là bậc sống thánh thiện, nhưng đôi khi nó gây trở ngại cho việc cầu nguyện. Đàng khác, giáo huấn của Thánh Kinh vẫn cho rằng bậc đồng trinh và tiết dục đẹp lòng Chúa hơn bậc vợ chồng (21,22).*

### NHẬP ĐỀ

1. Gần đây, một số anh em yêu cầu tôi lên tiếng đáp lại bài viết của một người tên **Helviđiô**. Tôi đã hoãn làm việc ấy không phải vì thấy khó việc bênh vực sự thật cũng như bác bỏ tên lỗ mãng ngu dốt mà sở học chỉ có chút chiu ấy, nhưng vì sợ rằng việc tôi lên tiếng có thể làm hấn được người ta coi là đáng để mình đánh bại. Tuy nhiên cân nhắc thêm thì thấy cái tên gây rối ấy, con người duy nhất trên trần đời tự coi mình vừa là giáo sĩ vừa là giáo dân, con người, như đã nói, coi hùng biện chỉ là lảm lời và nói xấu về người khác như là chứng tỏ mình có một lương tâm tốt, rất có thể sẽ còn nói phạm thượng hơn nữa nếu không cho hấn cơ hội tranh luận. Hấn có thể coi mình như đang chễm chệ ngồi trên bệ cao tự tung tự tác quảng bá quan điểm

của mình ra khắp bốn phương. Cũng còn một lý do để sợ rằng khi sự thật không được trình bày cho hẳn, hẳn có thể sẽ tấn công đối phương bằng vũ khí lạng nhục. Nhưng giờ đây tất cả những lý do ngàn ngại trên, dù chính đáng, cũng không còn ảnh hưởng trên tôi nữa, vì những gương mù gương xấu đã gây đến cho nhiều anh em vốn đã trở thành những phát ngôn viên điên dại của hẳn. Cái riu của Phúc âm do đó cần được đặt vào gốc thân cây không sinh hoa trái, và cả nó lẫn cành lá không hoa không quả phải được liệng vào lửa, để Helvidiô, người chưa bao giờ học cách phát ngôn, cuối cùng sẽ phải học cách giữ mồm giữ miệng.

2. Tôi khẩn khoản xin Chúa Thánh Thần dùng miệng tôi mà triển khai điều Ngài muốn nói và bênh vực đức đồng trinh của **Đấng Diễm Phúc Maria**. Tôi cũng khẩn khoản xin Chúa Giêsu gìn giữ cung lòng thánh thiện mà Ngài đã ngự trong mười tháng trường khỏi mọi hoài nghi của giao hợp tính dục. Và tôi cũng van xin Đức Chúa Cha chứng tỏ cho mọi người thấy rằng thân mẫu của Con Một Ngài, đáng đã là mẹ trước khi là cô dâu, **mãi mãi còn đồng trinh** sau khi sinh con. Chúng tôi không hề có ý muốn bước chân vào lãnh vực hùng biện cũng như chạy đến với những bầy rập của các nhà luận lý hay các nguyên lý phức tạp của Aristôt. Chúng tôi chỉ xin diễn dịch các ngôn từ trích từ Thánh Kinh. Xin hãy để hẳn bị bác bỏ bởi cùng những chứng cứ mà hẳn đã dùng chống lại chúng ta, ngõ hầu hẳn thấy được rằng hẳn có thể đọc điều đã được viết ra nhưng vẫn không hiểu được câu kết luận vững chắc của một đức tin lành mạnh.

### **Thánh Giuse chỉ là chồng trên danh nghĩa, chứ không phải chồng thật của Đức Maria**

3. Phát biểu đầu tiên của hẳn như sau: “Matthêu cho hay: Sau đây là gốc tích Chúa Giêsu Kitô. Bà Maria, mẹ Người, đã đính hôn với ông Giuse. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo. Ông đang tính toán như vậy, thì kia sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cuu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần (Mt. 1:18-20). Xin nhớ rằng, chữ dùng ở đây là đính hôn, chứ không phải được trao phó như quý vị nghĩ, và dĩ nhiên lý do đính hôn là để một ngày kia thành hôn. Và tác giả Phúc âm sẽ không nói trước khi hai ông bà về chung sống, nếu cuối cùng họ không thực sự về chung sống với nhau, vì chẳng ai lại dùng thuật ngữ trước khi anh ta ăn nếu anh ta không sắp sửa ăn. Còn nữa, sứ thần đã gọi bà là vợ và nói về bà như là người kết hiệp nên một với Giuse. Sau đây, xin hãy lắng nghe chính lời Thánh Kinh: Khi tỉnh giấc, ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai” (Mt 1:24-25)

4. Ta hãy lần lượt xét từng điểm một, và cứ đi theo bước chân của tên vô đạo này để chứng minh cho hẳn thấy hẳn đã tự mâu thuẫn với chính hẳn. Hẳn nhìn nhận rằng bà mới chỉ đính hôn, nhưng liền một hơi lại nói rằng bà là vợ người đàn ông mà chính hẳn đã nhìn nhận là vị hôn phu của bà. Một lần nữa, hẳn gọi bà là vợ nhưng rồi lại nói rằng lý do duy nhất bà được đính hôn là để một ngày kia bà thành hôn. Và như sợ rằng ta chưa nghĩ đó là đủ, hẳn còn nói: “chữ dùng ở đây là đính hôn, chứ không phải được trao phó, nghĩa là, chưa phải là vợ, chưa kết hiệp nên một qua dây hôn phối”. Nhưng khi hẳn tiếp tục thêm rằng “Tác giả Phúc âm sẽ không bao giờ sử dụng những từ ngữ trước khi hai ông bà về chung sống với những người sẽ không về chung sống với nhau hết như không thể nói trước khi hẳn ăn mà thực tế ra hẳn lại không ăn”, thì quả tôi không biết nên khóc hay nên cười đây. Liệu có nên kết tội hẳn là dốt hay nên kết tội hẳn là thiếu suy nghĩ? Hết như thế, giả thiết người nào đó nói, “trước khi ăn tại bên tàu, tôi dương buồm đi Châu Phi”, lời ông ta nói chỉ có giá trị khi một ngày kia ông ta bó buộc phải ăn tại bên tàu. Nếu tôi nói: “trước khi đi Tây Ban Nha, tông đồ Phaolô bị cùm tù tại Rôma”

hoặc (tôi rất muốn nói) “trước khi hồi lỗi, Helvidiô bỗng đột ngột qua đời” liệu có phải vì thế mà sau khi được thả, thánh Phaolô phải lập tức đi Tây Ban Nha, hay Helvidiô phải hồi lỗi sau khi đã chết không, dù Thánh Kinh có nói: “Trong âm phủ, ai sẽ cảm tạ Ngài?” (Tv 6:6). Đúng hơn, há không phải ta nên hiểu rằng giới từ **trước khi**, dù vẫn thường chỉ thứ tự trong thời gian, nhưng đôi khi chỉ có ý nói đến **thứ tự trong ý nghĩ**. Thành thử, nếu có đủ nguyên nhân can thiệp vào khiến chúng không xảy ra nữa, thì các ý nghĩ của ta đâu có cần thiết phải được thể hiện. Như thế nếu tác giả Phúc âm nói trước khi hai ông bà về chung sống, ngài chỉ muốn nói đến thời gian ngay trước ngày cưới, và cho ta thấy rằng sự việc đã tiến khá xa rồi để người thiếu nữ đính hôn sắp sửa trở thành người vợ. Như thế tác giả muốn nói, trước khi họ ôm hôn nhau, nghĩa là trước khi họ hoàn hợp mỗi nhân duyên của họ, thì bà bị phát giác là đã có thai. Và người phát giác ra chuyện ấy không ai khác hơn là Giuse, người đã nhìn vào cái bụng đang lớn lên của vị hôn thê với một cái nhìn lo lắng và, lúc ấy, gần như với đặc quyền của một người chồng. Nhưng như trên đã nói, không phải vì vậy mà diễn dịch được là ông sẽ ân ái với Maria sau khi bà đã sinh đứa con kia, vì trước đó, các thêm muốn của ông bị dập tắt vì sự kiện bà đã mang thai. Và mặc dù trong giấc mộng, Giuse được loan báo là “đừng ngại đón bà Maria vợ ông về” và “Khi tỉnh giấc, Ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà”, ta cũng chẳng nên vì thế mà lúng túng, như thể vì được kêu là vợ mà bà hết còn là người đính hôn, vì ai cũng biết rằng trong Thánh Kinh, vốn có thói quen gán cái tước vị ấy cho người đã đính hôn. Chúng có sau đây từ Sách Đệ Nhị Luật cho thấy rõ điều đó: “Nếu một người đàn ông gặp một trinh nữ đã đính hôn ở ngoài đồng và cưỡng bức nàng phải ăn nằm với mình, thì anh ta phải chết, vì đã hạ nhục vợ người lân cận mình” (Đnl 22:25). Và ở một đoạn khác, “Nếu là một thiếu nữ còn trinh đã đính hôn với một người chồng, và có người đàn ông gặp nàng nơi phố thị và ăn nằm với nàng; thì các người phải mang cả hai ra khỏi cửa thành mà ném đá chúng cho đến chết; người thiếu nữ vì đã không chịu hô hoán lên khi đang ở nơi phố thị; còn người đàn ông vì đã hạ nhục vợ người lân cận mình: như thế các người sẽ loại được sự dữ xa khỏi các người” (Đnl 22:23-24). Lại nơi khác nữa: “Còn người đàn ông đã đính hôn với vợ nhưng chưa rước nàng về thì sao? Hãy cho anh ta trở về nhà, kẻo anh ta phải chết nơi trận tiền mà người đàn ông khác cướp mất vợ chẳng” (Đnl 20:7). Nhưng nếu có ai thắc mắc tại sao Trinh Nữ Maria lại có thai sau khi đã đính hôn hơn là trước khi chưa đính hôn với ai, hay như ngôn ngữ của Thánh Kinh, chưa có chồng, thì tôi xin giải thích như thế này: có ba lý do. Trước nhất, qua gia phả Giuse, mà Maria cũng là người họ hàng, nguồn gốc của Maria cũng được đề cập đến. Thứ hai, nhờ thế bà không bị ném đá như kẻ ngoại tình theo luật Mô-sen. Thứ ba, trong cuộc lánh nạn qua Ai-Cập, bà tìm được nơi nương tựa ủi an, dù chỉ là của người giám hộ chứ không phải của một người chồng. Vì có ai lúc đó lại có thể tin được lời của Trinh Nữ rằng mình thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, và rằng thiên thần Gabriel đã đến và loan báo cho bà ý định của Thiên Chúa? hay trái lại mọi người đều sẽ cho bà là đồ ngoại tình giống như Su-san-na? Vì cho đến tận ngày nay, khi cả thế giới đều đã vâng theo đức tin, mà người Do thái vẫn còn cho rằng khi Isaia nói rằng: “kia một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai” (Is 7:14) thì ông có ý chỉ một người đàn bà trẻ chứ không phải một người con gái còn trinh, vì chữ ông dùng là ALMAH chứ không phải BETHULAH. Ta sẽ đề cập đến chuyện đó một cách chi tiết sau này. Cuối cùng, ngoại trừ Giuse, Elizabet và chính Maria ra, và có thể một số nhỏ khác ta tin là đã được ba vị này kể cho nghe, ai cũng coi Chúa Giêsu là con của Giuse. Kể cả chính các tác giả Phúc Âm nữa cũng đã theo ý kiến chung của mọi người, một khuôn vàng thước ngọc của bất cứ sử gia nào, mà gọi Giuse là cha Đấng Cứu Thế, như trong đoạn “Được Thần Khí thúc đẩy, ông (Simeon) lên đền thờ. Vào lúc cha mẹ Hải nhi Giêsu đem con tới để chu toàn tập tục Luật đã truyền liên quan đến Người” (Lc 2:27) và nơi khác, “Hằng năm, cha mẹ Chúa Giêsu trở về đền Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua” (Lc 2:41). Và sau đó, “Xong kỳ lễ, hai ông bà trở về, còn cậu bé Giêsu thì ở lại Giêrusalem, mà cha mẹ chẳng hay biết” (Lc 2:43). Ta cũng nên lưu ý

chính Đức Maria, dù đã dùng những lời lẽ sau đây mà thưa chuyện với Thần sứ Gabriel: “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!” (Lc 1:34), cũng đã nói như sau để chỉ về Giuse: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!” (Lc 2:48). Ở đây, ngôn từ ấy đâu phải ngôn từ của người Do-Thái hay quân nhạo báng đâu, như nhiều người vốn nghĩ. Chính các Phúc âm gia đã gọi Giuse là cha: đức Maria cũng tuyên xưng ông là cha. Tuy nhiên, như tôi đã nói ở trên, ông Giuse không thực sự là cha của đấng Cứu Thế: ông được mọi người coi là cha của Ngài là để giữ danh thơm tiếng tốt cho Maria, mặc dù trước khi nghe được lời nhắn nhủ của Thần sứ rằng “Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà curu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần” ông đã định tâm bỏ bà cách kín đáo; như thế chứng tỏ ông đã biết rõ đứa bé trong bụng kia không phải là con mình. Thiết nghĩ ta đã chứng minh đủ tại sao Giuse được gọi là cha của Chúa, và tại sao Maria được gọi là vợ của Giuse, với mục đích đưa ra lời giáo huấn chứ không hẳn để trả lời một đối thủ. Điều này cũng một lúc trả lời cho vấn nạn tại sao một số người được gọi là anh em của Chúa.

5. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ bàn riêng đến điểm đó sau này. Bây giờ, chúng tôi xin vội qua vấn đề khác. Đoạn mà ta phải tranh luận bây giờ là: “Khi tỉnh giấc, ông Giuse làm như sứ thần Chúa dậy và đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai.” Ở đây, trước nhất, chẳng cần đối thủ của ta phải dài dòng chứng tỏ rằng hạn từ “biết” có ý ám chỉ việc giao hợp, chứ không phải hành vi nhận thức thuộc tri thức: như thế có ai đó đã phủ nhận việc ấy hay có ai đó đã tưởng tượng ra điều trái nghĩa khiến Helvidiô phải tốn công bài bác. Sau đó, hẳn ta giảng giải để ta biết rằng trạng từ “cho đến khi” có ý ám chỉ một thời điểm nhất định và rõ rệt mà theo hẳn khi thời điểm ấy hoàn tất, cái biến cố mà trước đó chưa xảy ra giờ đây phải xảy ra, như trường hợp của chúng ta “Không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai”. Hẳn cho hay, rõ ràng là bà đã được “biết” sau khi sinh con, vì cái “biết” ấy chỉ bị đình hoãn vì việc sinh con mà thôi. Để bênh vực cho quan điểm của mình, hẳn chất chồng hết văn bản này đến văn bản khác, múa kiếm múa đao như một hiệp sĩ mù, uốn lưỡi uốn môi ồn ào náo nhiệt, để cuối cùng chẳng đả thương được ai ngoại trừ chính hẳn.

6. Chúng tôi xin trả lời vấn đề như thế này, --Các hạn từ “biết” và “cho đến khi” trong ngôn ngữ của Thánh Kinh có thể có hai nghĩa. Như chữ đầu chẳng hạn, tuy hẳn dẫn giải để ta thấy phải hiểu như nó ám chỉ việc giao hợp tính dục, tuy nhiên không ai chối cãi nó cũng thường được dùng để chỉ nghĩa hiểu biết nữa, như trong câu “con trẻ Giêsu còn nấn ná ở lại Giêrusalem; mà cha mẹ ngài không biết”. Bây giờ, ta hãy chứng tỏ rằng cũng như trường hợp vừa rồi, việc hẳn sử dụng hạn từ “**cho đến khi**” cũng sẽ bị bác bỏ hoàn toàn bằng chính thể giá của Thánh Kinh, là chữ thường được hiểu chỉ về một thời điểm nhất định (chính hẳn ta bảo vậy), nhưng đôi khi cũng **không chỉ thời điểm nhất định nào**, tỷ dụ khi Chúa dùng miệng tiên tri mà phán với một số người: “ta là đấng ấy cho đến khi chúng già” Liệu có phải vì thế mà Ngài hết là Chúa khi họ đã già đâu? Còn Chúa Cứu Thế thì phán với các Tông đồ trong Phúc âm: “Này thầy ở với chúng con luôn mãi, cho đến ngày tận thế”(Mt 28:20). Liệu có phải như thế là Chúa sẽ quên các Tông đồ sau khi thế đã tận không, và cứ mỗi khi ngồi trên 12 ngai để phán xử 12 chi họ Israel, các vị không còn có Chúa bên cạnh nữa hay sao? Lại nữa, khi Tông đồ Phaolô viết cho tín hữu Côrintô rằng “Mở đường là Chúa Kitô, rồi khi Chúa Kitô quang lâm, thì đến lượt những kẻ thuộc về Người. Sau đó mọi sự đều hoàn tất, khi Người đã tiêu diệt hết mọi quản thân, mọi quyền thần và mọi dũng thần, rồi trao vương quyền lại cho Thiên Chúa là Cha. Thật vậy, Chúa Kitô phải nắm vững vương quyền cho đến khi Thiên Chúa đặt mọi thù địch dưới chân Người” (1Cor 15:23-25). Dù đoạn văn này có ý nói đến bản tính nhân loại của Chúa, ta cũng không thể chối cãi là chúng có ý đề cập đến việc Ngài chịu chết trên Thánh giá

để sau đó được ngồi bên tay phải (Thiên Chúa). Nhưng Thánh Phaolô có ý chỉ gì khi nói “cho đến khi Thiên Chúa đặt mọi thù địch dưới chân Người”? Có phải Chúa chỉ trị vì cho đến lúc mọi kẻ thù đã ở dưới chân Người rồi hay không, nên khi chúng vừa ở dưới chân Người thì Người hết trị vì? Không phải thế đâu, trái lại, triều đại Người sẽ viên mãn khi mọi kẻ thù đều đã phục dưới chân Người. Cũng thế, Đavit, trong Ca khúc Lên Đền thứ tư, đã nói như sau: “Này đây, như đôi mắt bày tôi ngược nhìn tay chủ thế nào, như đôi mắt nữ tỳ ngược nhìn lên tay nữ chủ ra sao, mắt chúng con cũng ngược nhìn lên Chúa, Chúa chúng con, như vậy, cho đến khi Ngài tỏ lòng từ bi trên chúng con” (Tv 123:2). Có phải như thế là tiên tri nhà ta chỉ nhìn lên Chúa cho đến khi nhận được lòng từ bi của Ngài, và khi đã nhận được lòng từ bi của Ngài rồi, thì bèn quay nhìn xuống đất chẳng? dù ở một nơi khác, ông có nói: “mắt con không nhìn thấy ơn Ngài cứu độ, và lời công chính của Ngài” (Tv 119:123). Còn muôn vàn những thí dụ như thế để có thể kể ra đây ngõ hầu phủ dập cái thói lảm lòi của kẻ tấn công ta; tuy nhiên tôi chỉ xin thêm một vài đoạn nữa, ngoài ra xin để độc giả tự tìm ra những câu tương tự.

7. Lời Chúa trong sách Sáng Thế: “Và họ trao cho Gia-cóp nhiều thần ngoại giáo mà họ có trong tay, và nhiều chiếc nhẫn họ đang đeo trên tai; và Gia-cóp dấu chúng xuống cây sồi gần Sechem, rồi mắt chúng cho đến ngày nay” (St 35:4). Cũng thế cuối sách Đệ Nhị Luật, ta đọc “Thế là Mô-sen, tôi tớ Chúa, qua đời tại đó trong đất Mô-áp, theo như lời của Chúa. Và họ chôn ông tại thung lũng trong đất Mô-áp ngó qua Beth-pear: nhưng không ai biết mộ phần ông cho đến ngày nay” (Đnl 34:5-6). Chắc chắn ta phải hiểu chữ ngày nay là thời điểm lúc soạn ra câu truyện, bất luận bạn cho chính Mô-sen là tác giả của Ngũ Kinh hay Ezra đã nhuận sắc lại. Cả hai trường hợp, tôi đều không phản đối. Bây giờ vấn đề là các chữ “cho đến ngày nay” ám chỉ hoặc lúc công bố hoặc lúc soạn thảo sách, và nếu thế, thì hãy để hẳn chứng minh rằng giờ đây sau bao năm tháng từ cái ngày ấy, các thần ngoại giáo dấu dưới cây sồi kia đã được tìm ra hay mộ phần Mô-sen đã được tìm thấy lại; vì hẳn cứ ngỡ nặc cho rằng điều chưa xảy ra bao lâu cái thời điểm do chữ “cho đến khi” ấn định chưa xảy tới, sẽ bắt đầu hiện hữu khi thời điểm ấy xuất hiện. Hẳn nên chú ý đến các thành ngữ của Thánh Kinh, và nên hiểu như chúng ta, (chính ở đây hẳn bị sa lầy), rằng có những sự việc người ngoài thấy tối nghĩa nếu không được nói rõ ra nhưng lại được những người quen biết hiểu một cách rành mạch, trong khi đó có những sự vật khác ta phải sử dụng đến trí thông minh mới hiểu ra. Vì nếu, khi sự việc còn mới mẻ trong kí ức và đối với những người còn sống đã được thấy Mô-sen, mà mộ phần ông còn không ai hay, thì cả hàng bao năm tháng sau, người ta lại càng không hay biết gì hơn đến mộ phần ấy nữa. Cũng phải giải thích như thế về những điều ta được kể về Giuse. Phúc âm gia vạch cho ta thấy một hoàn cảnh có thể dẫn đến gương mù gương xấu, tức là đức Maria không ăn nằm với chồng cho đến ngày sinh con, và tường thuật như thế để ta thêm chắc chắn hơn rằng bà, người mà Giuse đã kiêng cử khi còn có chỗ để hoài nghi ý nghĩa của giấc mộng, cũng không ăn nằm với chồng sau khi đã sinh con.

8. Tóm lại, điều tôi muốn biết là tại sao Giuse lại kiêng cử cho đến ngày bà sinh con? Đương nhiên Helvidiô sẽ đáp ngay là vì ông được thần sứ cho hay “vì người con bà cru mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần”. Nhưng nên nhớ sau đó ông cũng nghe Thần sứ nói: “Này ông Giuse, con cháu Đavit, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về”. Lý do khiến ông bị cấm không được bỏ vợ là để ông đừng nghĩ rằng bà là kẻ ngoại tình. Như thế có đúng là ông bị cấm không được ân ái với vợ không? Há việc ông bị cảnh cáo không được lia xa vợ đã không hiển nhiên đó sao? Và theo hẳn ta, **liệu một người công chính có dám nghĩ đến việc đụng đến bà, khi đã biết rằng người con trong bụng bà chính là Con Thiên Chúa không?** Tuyệt! Như vậy ta phải tin rằng cũng cái người đàn ông đã từng tin vào giấc mộng như thế hẳn sau đó càng không dám đụng đến vợ khi được các mục đồng kể cho nghe rằng các thần sứ của Chúa đã từ trời

xuống báo tin cho họ: “Đừng sợ, này ta mang tới cho các ngươi một tin vui lớn cho toàn dân, vì hôm nay tại thành Đavít, đấng Cứu Thế, tức đấng Kitô của Chúa, đã được sinh ra cho các ngươi” (Lc 2: 10-11); khi mà các thiên thần đã cùng ông đồng thanh ca hát rằng: “Vinh danh Chúa cả trên trời, bình an dưới thế cho người lòng ngay” (Lc 2:14); và khi ông đã thấy Simêon ẵm hài nhi mà thốt lên: “Lạy Chúa, giờ đây xin để tôi tớ Chúa ra đi trong an bình như lời Người đã hứa vì mắt tôi tớ Chúa đã nhìn thấy ơn cứu độ của Người” (Lc 2:29); sau đó ông còn thấy nữ tiên tri Anna, Bà Nhà Đạo sĩ, Ngôi sao, Hêrôđê, các thiên thần; Helviđiô, tôi dám nói thế, cứ khẳng khẳng thuyết phục ta phải tin rằng Giuse, dù đã quen thuộc với những dấu lạ điềm thiêng kia, vẫn cứ dám đưng tới đền thờ của Thiên Chúa, nơi ngụ cư của Chúa Thánh Thần, là chính Mẹ của Thiên Chúa ông ta? Maria, trong mọi biến cố, luôn “giữ mọi điều nghe thấy trong tâm hồn” (Lc 2:51). Ngươi không thể trâng tráo mà cho rằng Giuse không biết gì đến những điều ấy, vì Luca cho hay “Cha Người và Mẹ Người hết sức lạ lùng về những điều người ta nói về Người” (Lc 2:23). Thế nhưng ngươi vẫn trâng tráo cho rằng các bản Hy-Lạp bị sai lạc, mặc dù hầu như mọi nhà trước tác Hy-Lạp đều đề cập đến việc ấy với chúng ta trong các bản viết của họ, và không phải chỉ có thế mà thôi, mà một số văn sĩ La-Tinh cũng có những lời như thế theo cùng một cách như vậy. Giờ đây, ta cũng chẳng cần phải sét đến những dị biệt của các bản chép làm chi nữa, vì trọn bộ Cựu và Tân Ước kể từ ngày ấy đã được dịch sang La-Tinh, và ta có thể tin rằng nước giếng trong hơn nước trên nguồn.

### **“Anh em” của Chúa là anh em họ của Ngài, chứ không phải anh em ruột.**

9. Helviđiô sẽ trả lời, “điều anh nói, theo thiên ý, chỉ là chuyện tâm phào. Các luận chứng của anh chỉ làm mất thì giờ, vì cuộc bàn luận của anh chỉ cho thấy cái tài uyên bác chứ đâu phải là sự thật. Tại sao Thánh Kinh không nói, như đã nói về Tamar và Judah, ‘Anh ta rước vợ về, và không biết nàng nữa’ (St 38:26)? Phải chăng Matthêu không tìm được lời để diễn cái ý của mình? mà lại viết “Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai”. Như thế rõ ràng là ông ăn ở với bà sau khi bà sinh con, người mà ông kiêng cử không ăn nằm với cho đến khi bà sinh con.

10. Nếu ngươi tranh cãi kiểu đó, thì tư tưởng ngươi đã thành ông chúa của ngươi rồi đấy. Ngươi không được để bất cứ khoảng thời gian nào chen vào giữa lúc sinh và lúc giao hợp. Ngươi không được nói, “Khi một người đàn bà có thai và sinh, thì sẽ ra ô uế trong vòng bảy ngày, nó sẽ ra ô uế như những ngày bị khó ở vì kinh nguyệt. Đến ngày thứ tám, đứa trẻ sẽ được cắt bì nơi da qui đầu. Rồi người đàn bà phải đợi ba mươi ba ngày cho máu được thanh tẩy; nó không được đụng đến vật thánh nào” (Lv 12:2-4) v.v... Vì trong trình bày của ngươi, Giuse phải lập tức lại gần bà và do đó chịu lời quở mắng của Giêrêmia, “chúng là những con ngựa động cựa và bất kham: đứa nào cũng hú hí với vợ hàng xóm” (Gr 5:8). Chứ nếu không làm sao câu văn kia đúng được “Ông không ăn ở với bà cho đến khi bà sinh một con trai”? nếu phải đợi cho đến khi hết kỳ thanh tẩy, các thềm muốn phải chịu kìm hãm trong bốn mươi ngày dài đằng đẳng? Người mẹ như thế sẽ không được thanh tẩy khỏi cái dơ bẩn của giường đẻ, và đứa con khóc như di phải trao cho vú nuôi trông coi, để cho ông chồng vô lấy người vợ đang mệt mỏi của mình. Như thế, cuộc hôn nhân mới thực sự bắt đầu để Phúc âm gia khỏi bị tố cáo là giả tạo chứ. Nhưng Thiên Chúa đâu chịu để ta có cơ hội suy nghĩ như thế về Mẹ đấng Cứu Thế và về một người đàn ông công chính như vậy. Đâu có vú nuôi giúp lúc sinh; làm gì có người đàn bà nào lảng xãng can thiệp. Bà phải tự tay quần tã cho con, vừa làm mẹ vừa phải làm bà đỡ, và “đặt con vào máng cỏ, vì không có phòng cho họ tại quán trọ” (Lc 2:7), một câu văn một mặt đã đánh đổ tính mê đại của các trình thuật nguy thư, vì chính đức Maria đã phải tự tay quần tã cho con, và mặt khác đã làm cho ý niệm đầy xác thịt của Helviđiô trở thành không thể có được,

vì làm gì có chỗ để diễn ra cảnh ân ái vợ chồng cho hai vị được.

11. Câu trả lời như thế đã đầy đủ đối với điều hấn đưa ra liên quan đến các chữ “trước khi ông bà về chung sống” và “ông không ăn ở với bà cho đến khi bà sinh một con trai”. Giờ đây, để cho câu trả lời của tôi theo đúng thứ tự trong luận chứng của hấn, tôi xin qua điểm ba. Theo hấn thì đức Maria còn sinh nhiều người con khác, vì hấn trích đoạn văn sau đây: “Và Giuse cũng trải đi thành David để khai tên cùng với Maria, người đã đính hôn với ông, lúc đó đang có thai. Và xảy ra là lúc họ đang ở đó, thì bà đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, và bà đã hạ sinh người con trai đầu lòng của mình” (Lc 2:5-6). Từ câu văn đó hấn diễn dịch rằng hạn từ “con đầu lòng” chỉ được áp dụng cho một người nếu người đó có anh em khác nữa, còn nếu là con một thì phải gọi là con độc nhất.

12. Quan điểm của chúng tôi như sau: người con độc nhất nào cũng là người con đầu lòng, nhưng không phải người con đầu lòng nào cũng là người con độc nhất. Chúng tôi hiểu hạn từ **con đầu lòng không những chỉ là người con mà sau đó còn có những người con khác, mà cũng là người con mà trước đó không có người con nào cả**. Thiên Chúa đã phán với Aaron như sau: “mọi sự khai trương dạ xác phàm mà người ta hiến dâng cho Chúa, kể cả người lẫn thú vật, đều thuộc về ta: tuy vậy người phải chuộc đứa con đầu lòng của người ta, và đứa con đầu lòng của các thú vật dơ bẩn” (Xh 13:12). Như thế lời Chúa đã xác định rằng đứa con đầu lòng là đứa con khai trương dạ mẹ. Chứ nếu tước hiệu ấy chỉ thuộc về những ai có em, thì làm sao các thầy tế lễ có quyền đòi hỏi đứa thứ nhất trước khi những đứa em của nó ra đời, kéo rất có thể không có lần sinh sau thì nó phải chứng minh nó là đứa con đầu chứ không phải chỉ là đứa con duy nhất. “Còn những con phải được chuộc, người phải chuộc chúng lúc một tháng, theo sự ước lượng của người bằng tiền là 5 shekels, tính bằng đồng shekel của đền thờ (trị giá bằng 20 gerahs). Nhưng những con đầu lòng của bò, của chiên và dê, thì người không cần chuộc; vì chúng là thánh” (Ds 18:16-17). Lời Chúa buộc tôi phải dâng hiến cho Ngài bất cứ con vật nào khai trương lòng dạ mẹ nếu đó là con vật sạch: nếu là con vật dơ, tôi phải chuộc chúng và trao tiền chuộc đó cho các thầy Tế lễ. Có thể tôi sẽ thưa lại như sau: tại sao Ngài lại buộc tôi vào khoảng thời gian ngắn ngủi chỉ có một tháng? Tại sao Ngài lại nói về đứa con đầu lòng trong khi chính tôi không biết liệu còn có những đứa em của nó sinh ra nữa không? Hãy đợi đến khi đứa thứ hai sinh ra rồi hãy hay. Tôi sẽ không nợ thầy tế lễ chi hết, trước khi đứa thứ hai sinh ra khiến cho đứa thứ nhất tôi có trước đây trở thành đứa con đầu lòng. Há chính những chữ kia đã không lên tiếng chỉ trích và kết án tôi điên rồi hay sao, vì danh hiệu con đầu lòng là cái tước áp dụng cho bất cứ đứa nào khai trương dạ mẹ, chứ không chỉ giới hạn vào những đứa có em? Và rồi hãy lấy trường hợp của Gioan: chúng ta đồng ý ông là con trai duy nhất: nhưng tôi muốn biết liệu ông có phải cũng là con đầu lòng không, và ông có tuyệt đối phục tùng lẽ luật hay không. Về vấn đề này thì chẳng còn hồ nghi chi nữa. Còn về đấng Cứu Thế, thì Thánh Kinh đã nói như thế này: “Và khi ngày thanh tẩy theo luật Mô-sen của bà đã đến, họ mang hai nhi lên Giêrusalem để dâng cho Thiên Chúa (như đã chép trong Luật rằng mọi trẻ nam đầu lòng đều được gọi là thánh đối với Thiên Chúa) và dâng một lễ hy sinh theo như đã ghi chép trong Luật của Chúa là một cặp chim gáy và hai con bồ câu” (Lc 2: 22-24). Nếu luật này chỉ liên hệ đến con đầu lòng, và sẽ không có con đầu lòng nếu không có những đứa con sau, thì không ai bị buộc theo luật con đầu lòng nếu họ chưa biết liệu họ có những đứa con khác hay không. Nhưng bao lâu người không có em trai mà vẫn bị trói buộc vào luật con đầu lòng, thì ta phải kết luận rằng được gọi là con đầu lòng bất cứ ai khai trương dạ mẹ mà trước đó chưa có ai khai trương cả, chứ không phải người sinh (đầu tiên) và sau đó còn nhiều em khác. Trong sách Xuất Hành, Mô-sen viết như sau: “Và qua nửa đêm, Thiên Chúa đánh mọi con đầu lòng trên đất Ai-Cập, từ con đầu lòng của Pharaoh đang trị vì trên ngôi đến con đầu lòng của tên tội đồ

đang bị giam trong ngục, và mọi con đầu lòng của thú vật” (Xh 12:29). Hãy cho tôi hay những trẻ bị giết kia có phải chỉ là con đầu lòng hay còn tóm luôn cả con một nữa? Nếu chỉ những trẻ có em mới gọi là con đầu lòng, thì những con duy nhất phải thoát chết mới đúng chứ. Còn nếu thực tế cả những con duy nhất cũng bị sát hại nữa, thì điều ấy đi ngược với án phạt đã được công bố rồi, vì cả con một lẫn con đầu lòng đều bị sát phạt cả. Người phải hoặc là tha những đứa con một, và như thế người quả là kỳ cục, hoặc là cứ để chúng bị sát phạt, thì chúng ta thắng, dù chúng ta không cảm ơn người, chỉ là vì con một cũng là con đầu lòng mà thôi.

## **Đức Mẹ trọn đời đồng trinh, cuộc bút chiến của Thánh Giêrôm (2)**

Vũ Văn An6/2/2008

13. Điều cuối cùng của Helvidiô là như thế này, và đây là điều hẳn muốn chứng minh khi đề cập đến con đầu lòng, các Phúc âm đều có nhắc đến anh em của Chúa. Thí dụ: “Này, mẹ và anh em Ngài đứng bên ngoài, muốn nói chuyện với Ngài” (Mt 13:46). Nơi khác, “Sau đó, Ngài lên đường xuống Capharnaum, cả Ngài, mẹ Ngài và các anh em Ngài” (Ga 2:12). Lại nữa, “Anh em Chúa Giêsu nói với Ngài rằng: Đi khỏi đây đi mà vào Giuđêa để các đồ đệ của anh họ thấy những kỳ công anh làm. Vì không ai muốn nổi danh mà lại hoạt động âm thầm cả. Nếu anh làm những việc ấy, thì hãy tỏ mình ra cho thiên hạ biết” (Ga 7:3-4). Và Gioan thêm: “Vì ngay đến anh em Ngài cũng không tin Ngài” (Ga 7:5). Cả Maccô và Matthêu nữa: “Và trở lại chính quê hương mình, Ngài vào các hội đường giảng dạy, đến nỗi họ ngạc nhiên nói với nhau: ‘Do đâu mà người này khôn ngoan và làm nhiều việc vĩ đại như thế? Ông ta không phải là con của bác phó mộc đấy sao? Má ông ta không phải là Maria đó sao? và các em ông không phải là Giacôbê, Giuse, Simong và Giuđa đó sao? Còn các em gái của ông ấy nữa, há họ không sống với chúng ta đó ư?’” (Mc 6:2-3; Mt 13:53-58). Trong Tông Đồ Công Vụ, Luca cũng thuật lại: “Tất cả những người này đồng tâm chuyên chăm cầu nguyện, cùng với các phụ nữ, và Maria thân mẫu của Chúa Giêsu, và các em Ngài” (Cv 1:14). Cả Tông Đồ Phaolô cũng một giọng với họ, và làm chứng cho sự chính xác có tính cách lịch sử của họ: “tôi không gặp tông đồ nào, ngoại trừ Giacôbê, em của Chúa” (Gal 1:19). Và ở một nơi khác: “Há chúng tôi lại không có quyền ăn và uống ư? Không có quyền dẫn theo vợ con giống như các Tông đồ khác, như anh em của Chúa, và như Cephas hay sao?” (1 Cor 9:5). Và sợ rằng không ai nên có chứng cứ của người Do Thái, vì chính từ miệng họ mà ta nghe thấy tên các em của Ngài, nhưng nên chú trọng rằng các đồng bào của Ngài đã bị làm cũng cùng một cái lầm liên quan đến anh em Ngài, một cái lầm mà họ đã rơi vào liên quan đến người cha, nên Helvidiô đã phải thốt ra lời cảnh cáo sắc bén sau đây: “Cũng cùng những tên ấy đã được Phúc âm gia nhắc lại trong các đoạn khác, và ở đây những người ấy như thế vẫn là anh em của Chúa và con cái bà Maria”. Matthêu cho hay: “Ở đó (chắc hẳn ở nơi Chúa bị đóng đinh), cũng có nhiều phụ nữ khác đứng nhìn từ đằng xa, họ là những người đã theo phục vụ Chúa Giêsu từ Galilêa: trong số ấy có Maria Magdalêna, Maria mẹ Giacôbê và Giôxét, và mẹ các con trai Dêbêđê” (Mt 27:55). Maccô cũng có đoạn: “Nhưng cũng có mấy phụ nữ đứng xa xa mà nhìn, trong số họ có Maria Magdalêna, Maria mẹ của Giacôbê hậu và mẹ Giôxét, cùng bà Salômê” (Mc 15:40); và liền sau đó không xa: “Và nhiều phụ nữ khác đã cùng lên Giêrusalem với Ngài” (Mc 15:41). Cả Luca nữa: “Có Maria Mađalêna, và Gioana, và Maria mẹ Giacôbê, và nhiều phụ nữ khác với họ” (Lc 24:10)

14. Lý do khiến tôi phải lặp đi lặp lại nhiều lần cùng một chuyện giống nhau là để ngăn ngừa hẳn khỏi nêu ra những vấn đề không đúng sự thật và hô hoán lên là tôi cố ý giữ lại những đoạn có lợi cho hẳn, và rằng quan điểm của hẳn đã không bị đánh bại do bằng chứng của Thánh



Kinh, nhưng là qua lý lẽ trốn tránh. Hẳn bảo: hãy coi Giacôbê và Giôxét rõ ràng là con của Maria, mà họ chính là những người được người Do Thái gọi là anh em của Chúa Giêsu. Hãy coi Maria rõ ràng là mẹ của Giacôbê hậu và Giôxét. Và Giacôbê được gọi là Giacôbê hậu để phân biệt với Giacôbê tiền là con trai của Đêbêđê, như Mac-cô đã nói ở nơi khác: “Và Maria Mađalêna và Maria mẹ Giôxét nhìn vào nơi Ngài được chôn cất. Và khi ngày Sabát đã qua, họ đi mua thuốc thơm để đến ướp xác Ngài” (Mc 15:47, 16:1). Và, hết như điều mong đợi, hẳn nói rằng: “Thật là một cái nhìn nghèo nàn và vô đạo xiết bao về Maria, khi chủ trương rằng trong khi những người đàn bà khác quan tâm đến việc chôn cất Chúa Giêsu, thì mẹ Ngài lại vắng mặt; hoặc khi tạo ra một bà Maria thứ hai; và còn hơn thế nữa, vì Phúc âm Gioan làm chứng rõ là bà có mặt ở đó, khi Chúa, từ trên thánh giá, trao phó bà, vốn là mẹ Ngài và nay trở thành quả phụ, cho Gioan chăm sóc. Hay là ta phải giả thiết là các Phúc âm gia lầm lẫn và khiến ta lầm lẫn đến độ gọi Maria là mẹ của những người được người Do-Thái biết đến như là anh em của Chúa Giêsu?”

15. Quả là tôi tằm, quả là điên khùng tự lao mình xuống hố tự diệt! Người nói rằng mẹ của Chúa có mặt bên thánh giá, người nói rằng bà được trời trăng cho môn đệ Gioan vì thân phận quả phụ và đơn cô của bà: như thế, bà không có bốn con trai, và hàng tá con gái, như người vốn trình bày trước đây, những người mà bà có thể cậy nhờ sao? Người còn dùng cả chữ quả phụ để chỉ về bà trong khi Thánh Kinh không hề dùng từ ngữ ấy. Và dù người đã trích hết các đoạn Phúc Âm, nhưng duy có đoạn của Gioan là người không thích. Người nói qua loa rằng bà có mặt bên thánh giá, điều mà rõ ràng người không cố ý bỏ qua, nhưng người lại bỏ qua không nhắc đến những người đàn bà khác cũng có mặt bên thánh giá với bà. Ta sẵn sàng bỏ qua nếu người dốt nát, nhưng thực ra ta thấy người có lý do để không nhắc đến họ. Để ta nhắc lại điều Gioan nói: “Đứng bên thánh giá của Chúa Giêsu có mẹ Ngài, chị mẹ Ngài, là Maria vợ Clopas, và Maria Mađalêna” (Ga 19:25). Không ai còn hồ nghi là có hai tông đồ được gọi là Giacôbê, Giacôbê con Giêbêđê, và Giacôbê con Alphêô. Người có ý coi ông Giacôbê hậu, người ít được biết đến, mà trong Sách Thánh gọi là con của Maria, tuy không phải là Maria mẹ Chúa Giêsu, là một Tông đồ hay không? Nếu ông là một tông đồ, hẳn ông phải là con trai của Alphêô và một người tin vào Chúa Giêsu, “vì cả đến anh em Ngài cũng không tin Ngài”. Nếu ông không phải là tông đồ, nhưng là một Giacôbê thứ ba (ông là ai tôi không nói được), làm sao có thể coi ông là em trai của Chúa Giêsu, và làm sao, là người thứ ba, lại được gọi là ông hậu để phân biệt với ông tiền, khi tiền và hậu được dùng để chỉ các mối liên hệ giữa không phải ba mà là hai người? Mặt khác nên để ý điều này người anh em của Chúa là một tông đồ, như Phaolô đã nói: “Rồi sau ba năm, tôi lên Giêrusalem để thăm Cephas, và nán nã ở lại với ông 15 ngày. Còn các tông đồ khác tôi không gặp được ai, ngoại trừ Giacôbê, người anh em của Chúa” (Gal 1:18-19). Và cùng trong Thư ấy: “Vậy khi nhận ra ân huệ Thiên Chúa đã ban cho tôi, các ông Giacôbê, Kêpha và Gioan, những người được coi là cột trụ” (Gal 2:9) v.v... Và có thể là người sẽ không chịu coi ông Giacôbê này là con của Giêbêđê, thì người chỉ cần đọc Tông Đồ Công Vụ là sẽ thấy ông Giacôbê đó bị Hêrôd hãm hại. Kết luận duy nhất chỉ có thể là bà Maria được miêu tả như là mẹ của Giacôbê hậu chính là vợ của Alphêô và là chị của Maria mẹ Chúa Giêsu, người mà Phúc âm gia Gioan gọi là “Maria Clopas”, có thể gọi theo tên cha, hay tên một thân nhân nào khác, hay vì một lý do nào khác. Nhưng nếu người nghĩ đó là hai người khác nhau vì có nơi thì đọc là “Maria mẹ Giacôbê hậu” có nơi lại là “Maria Clopas”, thì người phải hiểu là trong Sách Thánh một cá nhân thường vẫn mang nhiều tên. Như Raguêl, cha vợ của Mô-sen, cũng có tên là Jethro. Gedeon, chẳng có lý do nào để đổi tên, tự xưng được kêu là Jerubbaal. Ozias, Vua Giuđa, cũng có một tên khác là Azarias. Núi Tabor cũng được gọi là Itabyrium. Còn Hermon được người Phê-ni-xi gọi là Sanior, nhưng người Amorites lại gọi là Sanir. Cùng một giải đất được kêu bằng ba tên khác nhau trong sách Ezekiel đó là Negeb, Teman và

Darom. Phêrô lúc được gọi là Simon, lúc được gọi là Cephas. Giuđa theo phe Nhiệt thành trong một Phúc âm khác được gọi là Ta-đê-ô. Và còn nhiều thí dụ khác mà người đọc có thể tự tìm ra từ khắp các phần của Sách Thánh.

16. Giờ đây chúng tôi xin giải thích ở đây điều mà tôi muốn chứng minh, là làm thế nào những người con trai của Maria, chị mẹ Chúa Giê-su, những người tuy trước đây không tin nhưng sau này đã tin, lại được gọi là anh em của Chúa. Rất có thể có trường hợp một trong những người anh em đó đã tin ngay từ trước trong khi những người khác thì mãi sau này mới tin, và cũng có thể một Maria là mẹ của Giacôbê và Giôxét, tức “Maria Clopas”, vợ của Alphêô, còn Maria kia là mẹ của Giacôbê hậu. Dù sao, nếu bà sau là mẹ của Chúa Giê-su, thì thánh Gioan hẳn đã gán cho bà tước hiệu ấy rồi, cũng như ở những đoạn văn khác, chứ đâu có kêu bà là mẹ của những người con trai khác khiến người ta phải lẫn lộn. Nhưng ở giai đoạn này, tôi chưa muốn xác định hay phủ nhận cái giả thiết cho rằng Maria vợ Clopas và Maria mẹ của Giacôbê và Giôxét là hai người đàn bà khác nhau, miễn là ta phải hiểu rõ rằng Maria mẹ Giacôbê và Giôxét không phải là một với mẹ Chúa Giê-su. Helvidiô sẽ nói: như vậy phải chăng các anh sẽ cho rằng những người được gọi là anh em của Chúa thực ra không phải là anh em của Ngài sao? Đúng vậy, ta sẽ chứng minh điều ấy cho người hay. **Trong Thánh Kinh, có bốn loại anh em: anh em tự nhiên, anh em do chủng tộc, anh em thân thích (kindred), anh em kết nghĩa (love).** Anh em tự nhiên như trường hợp Esau và Giacóp, 12 tổ phụ Do-Thái, Andrê và Phêrô, Giacôbê và Gioan. Anh em do chủng tộc, mọi người Do-Thái đều được gọi là anh em đối với nhau, như trong sách Đệ Nhị Luật: “Nếu anh em người, một người đàn ông Do-Thái, hay một người đàn bà Do-Thái, bị bán vào tay người và đã phục vụ người đủ sáu năm; thì đến năm thứ bảy, người phải trả tự do cho họ” (Đnl 15:12). Cũng trong sách ấy: “Người sẽ đặt người mà Chúa sẽ chọn lên làm vua trên người: người sẽ đặt một người trong hàng anh em người lên làm vua trên người; người không được đặt bất cứ ngoại nhân nào, vốn không phải là anh em người, lên làm vua người” (Đnl 17:15). Lại nữa: “Người không được thấy con bò hoặc con chiên của anh em người đi lạc mà bỏ mặc làm ngơ: trái lại phải làm sao đưa chúng về cho anh em người. Còn nếu anh em người không ở gần người, hoặc người không biết họ, thì người phải đem chúng về nhà người, giữ chúng ở đó cho đến khi anh em người đi kiếm chúng, lúc đó người phải hoàn chúng lại cho họ” (Đnl 22:1-2). Còn Tông Đồ Phaolô thì viết như sau: “Tôi mong bị Chúa Kitô nguyên rủa vì anh em tôi, những người máu huyết vốn là người Do Thái của tôi” (Rm 9: 3-4). Hơn nữa, còn có thứ anh em thân thích nữa, những người cùng một dòng tộc mà ra, một patria, tương đương với từ Latinh paternitas, nghĩa là do cùng một gốc mà có những chi tộc khác nhau. Trong sách Sáng Thế, ta thấy: “Abram nói với Lót: cậu xin cháu, giữa cậu và cháu, giữa những người chăn chiên của cậu và những người chăn chiên của cháu, đừng bao giờ tranh chấp làm chi; vì cậu cháu mình đều là anh em với nhau cả” (St 13:8). Lại nữa: “Thế là Lót chọn cho mình trọn bình nguyên Gióc-đăng và đi về phía Đông: và họ chia tay nhau với người anh em mình” (St 13:11). Chắc chắn Lót không phải là anh em của Abram, mà là con của người em Abram, tên là Aram. Vì Terah sinh ra Abram, Nahor và Aram, và Aram sinh ra Lót. Chúng ta còn đọc thấy rằng: “Abram bấy mười lăm tuổi khi rời khỏi Hatan. Ông mang theo Sarai là vợ và Lót, con trai của em ông” (St 12:5). Nhưng nếu người còn hồ nghi việc **cháu mà được gọi là anh em**, thì ta sẽ cho người một thí dụ. “Và khi Abram nghe tin anh em mình bị bắt cầm tù, ông bèn dẫn theo những người đàn ông thiện chiến, vốn sinh trong nhà ông, hết thảy khoảng ba trăm tám mươi người” (St 14:14). Và sau khi diễn tả cuộc tấn công và sát hại trong đêm, soạn giả Sáng Thế thêm, “và ông mang về mọi chiến lợi phẩm và cả em ông là Lót nữa” (St 14:16). Chúng có cho lời khẳng định của ta tưởng thế đã là đủ rồi. Nhưng sợ người vẫn còn cố cãi cối cãi chày, để ránh bỏ thoát thân như loài rắn, ta đành phải cột cứng người lại bằng những sợi thừng chúng có để người khỏi cựa quậy kêu ca, vì ta biết rõ người sẽ cho rằng người bị đánh

bại không phải bằng sự thật Thánh Kinh mà bằng những biện luận tế vi. Giacóp, con trai Isaac và Rêbecca, vì sợ mưu toan của anh, nên đã trốn đi Lưỡng Hà, đến gần và lăn hòn đá khỏi miệng giếng, đoạn cho đoàn vật của Laban uống nước, Laban là em trai mẹ ông. “Đoạn Giacóp hôn Rachel, và cất tiếng nói mà khóc. Giacóp nói với Rachel rằng mình là anh em của cha nàng, và mình là con trai của Rêbecca” (St 29:11-12). Đây là một thí dụ khác của điều đã nói trên kia theo đó cháu được gọi là anh em. Lại nữa: “Laban nói với Giacóp: vì **cháu là anh em ta**, chẳng lẽ cháu lại giúp ta không công? Hãy cho cậu hay cháu lấy tiền công ra sao” (ST 29:15). Và rồi 20 năm sau, không để cha vợ hay, ông đã cùng vợ con lên đường trở lại quê cha. Khi Laban chặn ông lại trên núi Gilead, và không tìm ra những bức tượng bị Rachel giấu trong hành lý, Giacóp đã thưa với Laban như sau: “Tôi làm gì quấy, tôi có tội tình chi, mà cha lại săn đuổi theo tôi. Lọc lợi tất cả đồ đạc của con, cho có tìm được đồ đạc gì của nhà cha không? Cha cứ đưa ra đây trước mặt anh em con và anh em cha, để họ phân xử cho hai bên” (St 31:37). Người hãy cho ta hay ai là anh em của Giacóp và Laban đang hiện diện tại đó? Esau, anh của Giacóp, chắc chắn không có ở đó rồi, còn Laban, con của Bethuel, thì làm gì có anh em trai, ngoại trừ người em gái là Rêbecca.

17. Còn man vãn những thí dụ khác giống như thế trong Sách Thánh. Tuy nhiên, để vắn gọn, tôi xin trở lại loại cuối cùng trong bốn loại anh em, tức là anh em do yêu thương âu yếm mà gọi vậy. Loại này lại chia làm hai, một do liên hệ thiêng liêng, một do liên hệ chung chung. Tôi nói thiêng liêng, vì mọi Kitô hữu chúng ta đều được gọi là anh em, như trong câu: “Tốt lành và vui sung sướng xiết bao khi anh em đoàn kết với nhau” (Tv 133:1). Và trong một Thánh vịnh khác, Đấng Cứu Thế nói: “Ta sẽ tuyên xưng danh người cho anh em ta” (Tv 22:23). Và chỗ khác: “Hãy đi gặp anh em ta mà nói với họ” (Mt 28:10). Còn chung chung, là vì chúng ta hết thảy đều là con một Cha, như thế có một sợi dây huynh đệ giữa tất cả chúng ta. Đấng tiên tri đã nói: “Hãy nói với những kẻ ghét các người rằng: các vị đều là anh em của chúng tôi”. Còn Tông Đồ Phaolô, trong thư Côrintô, viết như sau: “Đừng đi lại với kẻ nào mang danh là người anh em mà cứ dâm dăng, tham lam, thờ ngẫu tượng, quen chửi bới, say sưa rượu chè hoặc trộm cắp; anh em cũng phải tránh đừng ăn uống với những người như thế” (1 Cr 5:11). Vậy ta hỏi người, người coi những người anh em của Chúa trong Phúc âm thuộc loại anh em nào. Người hẳn sẽ nói: là anh em tự nhiên. Nhưng Thánh Kinh đâu có nói như vậy; vì Thánh Kinh đâu có gọi họ là con của Maria hoặc con của Giuse. Liệu có nên coi họ là anh em do chủng tộc không? Nhưng thật là vô lý nếu cho rằng chỉ có một số ít người Do Thái được gọi là anh em của Ngài trong khi đáng lý ra người Do-Thái nào thời Ngài cũng phải được gọi là anh em của Ngài mới đúng chứ? Vậy có phải họ là anh em do sự thân mật gần gũi và sự đồng tâm nhất trí hay không? Nếu như vậy, còn ai thực sự là anh em của Ngài hơn các Tông đồ là những người được Ngài giáo huấn riêng và gọi là Mẹ Ngài và anh em Ngài? Lại nữa, nếu mọi người đều là anh em của Ngài, thì quả là rõ đại khi thông báo một cách đặc biệt rằng “Kìa, anh em Thầy đang kiếm Thầy đây” (MT 12:47), vì ai cũng đáng được gọi bằng tước hiệu ấy. Chỉ còn mỗi cách là chấp nhận lối giải thích trên đây nghĩa là hiểu anh em theo nghĩa anh em thân thích (anh em họ), chứ không phải anh em do yêu thương, do kết nghĩa, cũng không phải anh em cùng chủng tộc, càng không phải anh em tự nhiên (anh em ruột). Giống như trường hợp Lot được gọi là em Abraham, Giacóp được gọi là em Laban, và những người con gái của Zelophehad nhận nhiều người làm anh em mình, và chính Abraham gọi vợ Sarah của mình là em gái, vì ông nói: “Nàng quả thật là em gái tôi, về phía cha chứ không phải về phía mẹ” (St 20:12) nghĩa là, nàng là con gái của em trai ông chứ không phải con gái của chị ông. Chứ nếu không, ta ăn nói làm sao về Abraham, một người công chính, mà lại cưới chính em gái con cùng cha với mình? Thánh kinh, khi kể lại chuyện người xưa, không muốn làm mệt tai ta bằng cách giảng giải dài dòng, nhưng thích để ta tự hiểu lấy: vì sau đó Thiên Chúa đã dùng luật mà ngăn cấm rõ ràng

rằng: “Ai lấy em gái mình, con cùng cha hoặc cùng mẹ, mà lột trần nó ra, là phạm tội gồm ghê, phải bị tiêu diệt. Ai lột trần chị em mình, là mang lấy tội lỗi” (Lv 20:17).

18. Có những sự việc, mà vì quá ngu dốt, người chưa bao giờ đọc, và do đó người không biết hết toàn bộ Thánh Kinh, nhưng đã dùng sự ngu xuẩn của người mà phạm đến Đức Nữ Trinh, hết như câu chuyện về anh chàng kia, vốn không được ai biết đến và biết là mình không làm được chuyện gì hay khiến thiên hạ biết đến tên, nên đành đi đốt đền thờ Diana: nhưng khi không thấy ai khám phá ra hành vi phạm thượng ấy, đã tự mình đi tới đi lui hô hoán cho mọi người thấy chính mình là người nổi lửa. Các nhà cầm quyền Êphêsô tò mò muốn biết điều gì đã khiến anh ta làm chuyện đó, thì anh trả lời là nếu anh ta không làm được điều gì tốt để lấy tiếng tăm, chắc mọi người sẽ cho anh ta tiếng tăm nhờ việc xấu. Lịch sử đảo Grece (Grecian) kể lại chuyện đó. Nhưng người còn tệ hơn thế nữa. Người đã nổi lửa đốt phá đền thờ đã mang xác thân của Chúa, người đã lẳng nhục cung thánh Chúa Thánh Thần bằng cách nhất tâm biến nó thành nơi chứa đền bốn anh em trai và một lô chị em gái. Tất một lời, đồng thanh với người Do Thái, người lên tiếng: “Phải chăng người này không phải là con trai bác thợ mộc sao? Mẹ ông ta há không phải là Maria đây ư? và các em em của ông ta há không phải là Giacôbê, Giuse, và Simong cùng Giuđa đó sao? Và các chị em của ông ta há không sống giữa chúng ta đây ư? Các từ này chắc chẳng ai dùng nếu như không có cả hàng đồng anh em chị em”. Ta lạy nhà người, nhà người hãy cho ta hay trước nhà người, có ai dám phạm thượng đến thế hay chưa? Ai dám nghĩ cái lý thuyết của người đáng giá một xu không? Người đã được toại nguyện, vì người đã trở nên “tiếng tăm” nhờ tội ác. Đối với ta, kẻ đối thủ của người, dù cùng có mặt trong một thành phố, nhưng quả, như câu cách ngôn người ta thường nói, ta không biết người trắng hay đen. Ta bỏ qua các lỗi dùng từ có nhan nhản trong các sách người viết. Ta không nói một lời về phần nhập đề đần độn của người. Trời ơi! Ta không đòi hỏi tài hùng biện, vì vốn chẳng có tài ấy, nhưng người đã nhờ người anh em của người là Craterius giúp. Ta không đòi hỏi về duyên dáng của văn phong, ta chỉ đi tìm sự trong sáng của tâm hồn: vì đối với Kitô hữu, sai sót và tội lớn nhất về văn phong là đề cập đến một cái gì đề tiện cả trong lời nói lẫn trong hành động. Ta xin kết luận về những điều biện bạch của ta. Ta sẽ xử với người như thể ta chưa hơn người ở điểm nào; và người sẽ thấy người đang vất vưởng trên những cái sừng tiến thoái lưỡng nan (dilemma). Rõ ràng là anh em của Chúa được gọi một cách như khi Giuse được gọi là cha của Chúa vậy. “Mẹ và cha con héo hắt đi tìm con”. Chính mẹ Ngài nói câu đó, chứ không phải người Do-Thái. Chính Phúc âm gia thuật lại rằng Cha Ngài và Mẹ Ngài hết sức ngỡ ngàng về những điều người ta nói liên quan đến Ngài, và còn nhiều đoạn văn khác mà chúng ta đã trích dẫn trong đó Giuse và Maria được gọi là cha mẹ của Ngài. Biết rằng người đã đại dốt cho rằng các bản văn Hy Lạp có nhiều sai lạc, thì đáng lẽ người phải đọc nhiều bản văn khác mới đúng chứ. Cho nên ta xin trích dẫn Phúc Âm Gioan, trong đó điều sau đây được viết rất rõ: “Philip gặp Nathanael và nói với ông này: Chúng tôi đã thấy đáng mà Môisen trong lề luật và các tiên tri đã viết về, đó là Giêsu Nagiarét, con trai Giuse” (Ga 1:45). Người chắc chắn tìm thấy đoạn đó trong bản chép của người. Vậy người hãy cho ta hay, làm sao Chúa Giêsu lại là con trai của Giuse được khi rõ ràng Ngài đã được tượng thai do Chúa Thánh Thần? Giuse có phải là cha thật của Ngài không? Người có tội tăm bao nhiêu đi chăng nữa, chắc cũng không dám quả quyết như thế. Hay ông là cha cho có tiếng (reputed) của Ngài mà thôi? Nếu thế, thì người hãy áp dụng một quy luật như thế cho những người được gọi là anh em Ngài, một quy luật đã áp dụng cho Giuse khi ông được gọi là cha Ngài. Đồng Trinh Tốt Hơn Bạc Vợ Chồng

19. Giờ đây, sau khi đã dọn dẹp hết đá ghèn và cát đụn, tôi phải căng buồm để chạy thẳng đến đoạn kết của hần. Vì cảm thấy mình lồm bồm, nên hần đã phải đưa Tertullianô ra làm bằng và trích dẫn nhiều lời của Victorinô, giám mục thành Petavium. Về Tertullianô, tôi chẳng cần phải

nói gì hơn ngoài việc ông ta không thuộc về Giáo Hội. Còn đối với Victorinô, tôi xin quả quyết Ông chỉ nói điều đã được Phúc Âm chứng minh – nghĩa là anh em của Chúa Giêsu không phải là con cái của Maria, mà là anh em theo nghĩa tôi đã giải thích, tức là anh em họ hàng, chứ không phải anh em ruột. Tuy nhiên, chúng ta đang phí thì giờ cho những chuyện tầm phào và khi đi theo giòng dư luận nhỏ nhặt, ta đã bỏ qua cái bề dư đầy chân lý. Há, để chống lại người, ta lại không biết đưa ra nhiều tác giả thời xưa sao? I-nha-xi-ô, Pô-li-carp, I-rê-nê-ô, Justin Tử Đạo, và nhiều học giả khác đầy tinh thần tông đồ và tài hùng biện, những người, trong khi chống lại Ê-bi-on, Thê-ô-đô-tô thành Byzantin, và Va-len-ti-nô, cũng đã bênh vực cùng một quan điểm như chúng ta, và đã trước tác nhiều cuốn sách đầy khôn ngoan. Nếu người đọc được những điều họ viết ra, chắc chắn người đã khôn hơn rồi. Tuy nhiên thiết nghĩ nên trả lời vắn tắt từng điểm một hơn là nán ná lâu hơn khiến bài viết này trở nên dài dòng không cần thiết.

20. Giờ đây ta sẽ tấn công thẳng vào đoạn trong đó, để chứng tỏ mình khéo léo khôn ngoan, người đã so sánh giữa đức đồng trinh và bậc sống hôn nhân. Ta không khỏi mỉm cười khi nghĩ đến câu phương ngôn và tự hỏi không biết có bao giờ người đã được xem một cuộc khiêu vũ ý tứ chưa (cared dance)? Người đặt câu hỏi: “Liệu các người đồng trinh có hơn được Abraham, Isaac, và Giacóp là những người có vợ chắng? Há các hài nhi không được Chúa ngày ngày tạo hình trong cung lòng các bà mẹ đó ư? Và nếu thế, ta có nên xấu hổ khi nghĩ đến việc đức Maria ăn ở với chồng sau khi đã sinh con không? Nếu quý vị thấy điều đó là điều bất xứng, thì để nhất quán, có lẽ quý vị không nên tin rằng một vì Thiên Chúa lại có thể sinh ra đời do một Trinh Nữ theo cách sinh nở tự nhiên. Vì theo quý vị, việc một trinh nữ sinh hạ Thiên Chúa bằng chính cơ quan sinh đẻ của mình thì ô nhục hơn là một trinh nữ ăn nằm với chính chồng của mình sau khi đã sinh con.” Ông Helvidiô ạ, nếu muốn, sao ông không nói thêm những điều ô nhục khác thuộc giới tự nhiên, nào là dạ chứa chín tháng mỗi ngày một to hơn, nào là bệnh tật, để đái, máu me, tả lốt. Sao ông không tưởng tượng thêm hài nhi trong túi ôi. Lại còn máng cỏ thô cứng, tiếng khóc òi của bé thơ, cắt bì vào ngày thứ tám, thời gian thanh tẩy, để chứng tỏ là Ngài chẳng sạch sẽ gì. Chúng tôi đâu có mắc cỡ, chúng tôi chỉ không chịu im lặng mà thôi. Những ô nhục Ngài chịu vì tôi càng lớn bao nhiêu, tôi càng ơn Người bấy nhiêu. Và khi ông kể ra đủ thứ, thì ông lại quên mất điều ô nhục lớn hơn hết mọi sự đó là cây thập tự, cây giá mà chúng tôi tuyên xưng, mà chúng tôi tin kính, mà nhờ đó chúng tôi chiến thắng mọi địch thù.

21. Nhưng vì chúng tôi không chối điều đã được viết ra, thì chúng tôi phải chối điều không được viết ra. Chúng tôi tin Thiên Chúa đã sinh ra đời do một Trinh Nữ, là vì chúng tôi đọc thấy điều đó. Còn việc đức Maria ăn ở với chồng sau khi sinh con, thì chúng tôi không tin vì chúng tôi không đọc thấy điều đó. Chúng tôi cũng không nói điều ấy để lên án hôn nhân, vì đức đồng trinh xét cho ngay chỉ là hoa trái của hôn nhân; nhưng chỉ là vì khi đề cập đến các thánh, ta không nên phán đoán hồ đồ. Nếu chịu nhìn nhận điều có thể có như tiêu chuẩn để phán đoán, có lẽ ta nên cho rằng Ông Giuse có nhiều vợ vì Abraham đã có nhiều vợ, và Giacóp cũng thế, nên các anh em của Chúa là con các bà vợ này, một thứ ý nghĩ tạo hoẹt do một số người đưa ra một cách võ đoán do ầu tả hơn là do lòng đạo đức. Người nói đức Maria không tiếp tục giữ mình đồng trinh, còn ta, ta nói rằng cả Ông Giuse, vì đức Maria, cũng giữ mình đồng trinh nữa, như thế nhờ một cuộc hôn nhân trinh khiết, một đứa con trinh khiết đã được hạ sinh. Vì nếu, với tư cách một người công chính, ông đã không bị thúc bách bởi lòng tà dâm và vì không có chỗ nào viết rằng ông có vợ khác, mà chỉ viết rằng ông là hộ thủ của đức Maria, người mà ông coi là vợ chứ không coi mình là chồng, nên kết luận chỉ có thể là đáng xứng đáng được gọi là cha của Chúa phải là người cũng đồng trinh.

22. Và giờ đây trước khi đưa ra một so sánh giữa đức đồng trinh và bậc sống hôn nhân, tôi xin

các độc giả đừng nghĩ rằng khi ca tụng đức đồng trinh, tôi muốn hạ giá bậc hôn nhân, và tách biệt các thánh thời Cựu Ước với các thánh thời Tân Ước, nghĩa là các đấng có vợ và các đấng không muốn bận đến thế nọ: đúng hơn, tôi nghĩ rằng mỗi thời gian, mỗi hoàn cảnh một khác, nên các đấng thời Cựu Ước có luật dành cho các vị, còn với chúng ta, thời gian cánh chung đã gần lắm rồi nên một luật khác đã được áp dụng. Bao lâu còn luật kia, tức luật “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều cho đầy mặt đất” (St 1:28) và “Vô phúc đàn bà khô cằn không dạ chứa trong Israel” còn đó, thì ai cũng lập gia đình, cũng lấy vợ lấy chồng, rời cha bỏ mẹ, mà nên một thân xác với nhau. Nhưng một khi tiếng loa sấm sét đã vang lên; “Thời gian chẳng còn bao nhiêu, vậy từ nay, những người có vợ hãy sống như không có” (1Cor 7:29), thì ta nên bám chặt lấy Chúa, để nên một thân trí với Ngài. Tại sao lại vậy? Vì “Đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa: họ tìm cách làm đẹp lòng Người. Còn người có vợ thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng vợ” (1Cor 7:32-33). Giữa người vợ và người trinh nữ cũng có sự khác biệt: “Người không có chồng thì chuyên lo việc Chúa, để nên thánh cả hồn lẫn xác. Còn người có chồng thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng chồng” (1Cor 7: 34). Tại sao người còn cãi cãi cãi chày? Tại sao người còn chống cự? Đáng ưu việt đã nói rõ điều ấy; Ngài cho ta hay giữa người vợ và người trinh nữ có khác biệt. Người nên để ý cái bậc sống ấy hạnh phúc biết bao vì trong nó ngay cả sự phân biệt về giới tính cũng mất đi. Trinh nữ không bị gọi là đàn bà nữa. “Người không có chồng thì chuyên lo việc Chúa, để được thánh thiện cả hồn lẫn xác”. Trinh nữ được định nghĩa là người thánh thiện cả hồn lẫn xác, vì có ích gì đâu nếu chỉ trinh khiết ngoài thân xác mà linh hồn thì lại vương vấn chuyện chồng con. “Còn người có chồng thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng chồng”. Có phải người nghĩ rằng không có khác biệt gì hết giữa một người chuyên chăm cầu nguyện và chay tịnh với người hề chồng đến gần là phải sửa soạn nhan sắc, đi đứng yếu điệu, và cố gắng tỏ ra âu yếm chăng? Trinh nữ không cần phải tỏ ra sửa soạn như thế; tuy nàng không cần phải che dấu nét duyên dáng tự nhiên của mình. Đàn bà có chồng thì trái lại phải son phấn trước gương, và như để trêu người đấng Hóa Công, họ ráng tạo được cái mà nhan sắc tự nhiên của họ không có. Rồi thì tiếng con trẻ la ó, cả nhà ồn ào, con chờ mẹ bảo ban, hôn hít, rồi tiền chợ tiền búa, dành dụm, chi tiêu. Một bên thì các ông đầu bếp trang bị sẵn đồ nghề đồ tể và sẵn sàng róc xương lọc thịt, bên kia thì tiếng ì ầm của các thợ đan. Giữa lúc đó, có tin chồng về đem theo mấy ông bạn quý, thế là như con én, người vợ chạy đôn chạy đáo khắp nhà, lo lắng đủ chuyện: ghé tựa có phẳng phiu không, đường vào nhà đã được quét tước hay chưa? Hoa đã cắm vào bình chưa? Cơm nước đã sẵn sàng chưa? Ta xin người, hãy cho ta hay, giữa những bận bịu ấy, có còn chỗ nào mà nghĩ đến Chúa nữa hay không? Gia đình như thế có hạnh phúc chăng? Giữa cái chôn chiêng trông như thế, ồn ào như vậy, nào là tiếng điệu, nào là tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng thanh la nào bạt, người còn thấy chỗ nào dành cho lòng kính sợ Chúa nữa không? Tầm gửi bị hát hủi nhưng lại cảm thấy tự hào về vinh dự đó. Rồi đến lúc phải làm nạn nhân cho những thèm muốn nửa kín nửa hở, một cái đích nhắm cho những con mắt thèm thường. Người vợ bất hạnh một là phải chiều theo và do đó vấp ngã, hai là cưỡng lại và trở thành kẻ khiêu khích chồng. Từ đó phát sinh bất hòa, gây mầm cho ly dị. Hoặc giả người tìm cho ta một nhà nào trong đó những chuyện trên không xảy ra, một con chim họa hiem (rata avis)! Tuy nhiên, ngay ở đó, chính việc quán xuyến gia đình, việc giáo dục con cái, các đòi hỏi của chồng, việc sửa phạt người ăn người ở mà thôi cũng đủ khiến tâm trí ta chẳng còn chỗ nào mà nghĩ đến Chúa được nữa. “Sarah đã không còn có kinh như thói quen của phụ nữ nữa” (St 18:10), Thánh kinh nói như thế, và sau này Abraham nhận được lệnh của Chúa “mọi điều Sarah nói, người phải nghe lời nàng” (St 21:12). Người đàn bà nào không còn chịu cảnh lo âu và đau đớn của việc sinh con và khi đã trải qua sự biến đổi trong đời, hết còn phải thi hành chức năng của một người đàn bà nữa, thì người ấy thoát khỏi sự nguyên rủa của Chúa: lúc ấy, nàng không còn là thèm muốn của chồng nữa, trái lại chồng nàng nay trở thành lệ thuộc nàng, cho nên Người mới ra lệnh cho người đàn ông rằng: “mọi điều

Sarah nói, người phải nghe lời nàng”. Nhờ thế hai vợ chồng có thì giờ cầu nguyện. Chứ bao lâu món nợ hôn nhân chưa trả xong, thì cầu nguyện vẫn còn bị sao lãng.

23. Tôi không chối là trong số những bà quả phụ cũng như những người có chồng, vẫn có những người thánh thiện; nhưng một là họ đã thôi không còn là vợ nữa hai là họ vẫn còn là vợ nhưng lại đã sống thanh khiết như trinh nữ. Thánh Tông Đồ, như thế có Chúa Kitô nói trong mình, đã làm chứng điều đó khi ngài nói rằng: “Người không có chồng thì chuyên lo việc của Chúa, họ tìm cách vui lòng Chúa: còn người có chồng thì chuyên lo việc đời: họ tìm cách làm vui lòng chồng”. Ngài để ta tự do sử dụng lý trí trong vấn đề này. Ngài không bó buộc ai cũng không muốn dẫn ai vào bẫy: ngài chỉ muốn khuyến dụ điều thích hợp khi ngài mong muốn mọi người đàn ông cũng nên bắt chước như ngài. Quả thực, ngài không nhận được một giới răn nào của Chúa buộc ta phải sống trinh khiết, vì ơn ấy vượt quá khả năng tự nhiên của con người, và quả là khiếm nhã khi buộc mọi người phải bay lên ngược với tự nhiên giới, nói cách khác là phải trở nên như thiên thần. Chính cái tinh khiết thiên thần ấy đem lại cho đức khiết trinh phần thưởng cao quý nhất của nó, và dường như thánh Tông đồ không thích lối sống bị giăng co bởi mặc cảm tội lỗi. Tuy vậy, trong cùng mạch văn ấy, ngài thêm: “(Về vấn đề độc thân) Tôi chỉ khuyên nhủ anh em, với tư cách là người, nhờ Chúa thương, đáng được anh em tín nhiệm. Vậy tôi nghĩ rằng: vì những nỗi thống khổ hiện tại, ở vậy là điều tốt” (1Cor 7:25-26). Nỗi thống khổ hiện tại nói đây có nghĩa gì? “Khốn cho những người mang thai và những người đang cho con bú trong những ngày ấy” (Mt 24:19. Cây gỗ lớn lên là để bị đốn xuống. Đồng lúa được gieo là để được gặt. Mặt đất đã đầy, và dân số đã quá lớn so với đất canh tác. Mỗi ngày, ta đều bị đốn ngã bởi chiến tranh, sát hại bởi bệnh tật, nuốt trứng bởi bão tố, ấy thế mà vẫn đưa nhau ra tòa vì mấy cái hàng rào ngăn tài sản. Đó chỉ là phụ khoản thêm vào luật chung do những người bước theo Con Chiên làm ra, và họ chualàm đơ áo mặc, vì họ tiếp tục sống trong bậc đồng trinh của mình. Xin lưu ý đến ý nghĩa của chữ đơ. Tôi không muốn giải thích ở đây, sợ Helvidiô sẽ lạm dụng. Ta đồng ý với người khi người cho rằng có những trinh nữ chẳng khác chi gái lầu xanh; ta còn dám nói mạnh hơn vì trong số trinh nữ, có cả những dâm phụ ngoại tình nữa, và, chắc chắn người còn phải ngạc nhiên hơn khi nghe người ta nói một số giáo sĩ làm nghề chủ chứa, và không thiếu các đan sĩ dâm tặc. Ai lại không hiểu ngay rằng gái lầu xanh không thể là trinh nữ, dâm tặc không thể là đan sĩ, và giáo sĩ không thể làm chủ chứa? Liệu ta có nên chỉ trích đức khiết trinh chỉ vì những người sống trong bậc đó mắc lỗi không? Đối với ta, bỏ qua những người khác và chỉ bàn đến người đồng trinh mà thôi, ta chủ trương rằng bất cứ ai tham dự vào bán buôn, dù có đồng trinh trong thân xác vì một lý do nào đó, cũng không còn đồng trinh trong tinh thần nữa.

24. Tôi đã hơi văn hoa bóng bẩy, đã làm mình biến thành như một diễn giả trên diễn đàn. Helvidiô ạ, chính anh đã buộc ta phải như vậy; vì, một cách chói sáng như Phúc Âm đang chiếu sáng hiện nay, người sẽ phải nhận rằng cả hai đức khiết trinh lẫn bậc sống hôn nhân đều vinh dự như nhau. Và vì ta nghĩ rằng, khi thấy sự thật quá ư mạnh mẽ, người chắc chắn sẽ quay qua hạ thấp cuộc đời ta và thóa mạ tính khí ta (đó chính là cách những mục đàn bà yếu thế hay ngồi một góc mà đàm tiếu khi bị chủ làm mất mặt), ta nên tính trước điều đó. Ta cam đoan với người ta sẽ hết sức đề ý đến những riều cột của người, vì cũng chính cái cặp môi đang tấn công ta từng đã hạ nhục đức Maria, và ta, một kẻ phục vụ Chúa, đã được ban cho một tài hùng biện cũng sang sáng như Mẹ của Ngài.